

Số: 27 /2018/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2018 – 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Thực hiện Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020;

Xét Tờ trình số 5539/TTr- UBND ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thông qua Nghị quyết giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2018 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2018-2020, cụ thể như sau:

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa được tính theo Biểu sau:

STT	Biện pháp công trình	Giá (đồng/ha/vụ)	Ghi chú
1	Tưới, tiêu bằng động lực	1.629.000	Là biện pháp tưới, tiêu bằng công trình trạm bơm
2	Tưới, tiêu bằng trọng lực	1.140.000	Là biện pháp tưới, tiêu bằng công trình hồ đập, kênh, cống
3	Tưới, tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.385.000	Là biện pháp tưới, tiêu bằng công trình hồ đập, kênh, cống có sự hỗ trợ của công trình trạm bơm

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

d) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

đ) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho việc tưới được tính bằng 70%, cho việc tiêu bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

2. Mức giá đối với diện tích gieo, trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa.

3. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Giá dịch vụ theo biện pháp công trình	
			Bơm điện	Hồ đập, kênh cống
1	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoát/năm		250
3	Cấp nước tưới cho các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

4. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa/vụ.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Việc chi trả hỗ trợ tiền sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thực hiện theo Quyết định số 562/QĐ-



UBND ngày 04 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh về việc Quy định tạm thời giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá III, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 2018.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu;
- Bộ Tài chính; NN&PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo Đắk Nông;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, TH, TT-DN, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lê Diễn

